TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 39/2018/HSST
Ngày 28 tháng 08 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Công Hiến**

Ông **Đinh Duy Quyết**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Hồng Minh** - Kiểm sát viên

Ngày 28/08/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/HSST ngày 09/08/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 08 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; tại xã Đ, huyện Q, tỉnh N; trú tại thôn H, xã Đ, huyện Q, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc B (đã chết) và bà Quách Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 14/2007/HSST ngày 09/02/2007, Toà án nhân dân tỉnh N xử phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; đã chấp hành xong bản án ngày 01/02/2013.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 17/6/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1973; trú tại thôn A, xã G, huyện Q, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1991; Vắng mặt tại phiên tòa.

Ông **Đinh Văn S**, sinh năm 1969; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T là người nghiện ma túy. Trưa ngày 14/6/2018, T và anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã G, huyện Q (là bạn của T) có đến chơi và ăn cơm tại nhà anh Ngô Mạnh Đ, sinh năm 1985, trú tại số nhà 3, ngách 3, ngõ 207, phố P, phường N, thành phố N. Sau khi ăn cơm xong, anh D điều khiển xe mô tô BKS 89F3-****chở T về. Khi ra đến đầu ngõ nhà anh Đ thì T có nhu cầu sử dụng ma túy nên nảy sinh ý định tìm mua ma túy để sử dụng. T gọi điện thoại cho bạn của T tên là B để tìm mua ma túy nhưng B không nghe máy. T bảo anh D ngồi đợi T ở quán nước gần nhà anh Đ còn T điều khiển xe mô tô BKS 89F3-**** của anh D ra khu vực đường H để tìm Bá. Đi được khoảng 100m thì gặp B, T dừng xe lại và hỏi B có biết ai bán ma túy không để T đến mua. B cho T một số điện thoại của một người phụ nữ không rõ lai lịch là người bán ma túy. Sau đó T gọi điện cho người phụ nữ này hỏi mua heroine với giá 1.500.000 đồng, người phụ nữ đồng ý và hẹn T đến cổng bệnh viện Đa khoa tỉnh N, cầm tiền ra để ở đầu đường cách cổng bệnh viện 50 mét rồi quay lại đó chờ, T đồng ý rồi đến địa điểm như đã hẹn với người phụ nữ bán ma túy. Do chưa đủ ma túy để bán nên khoảng một tiếng sau, người phụ nữ gọi cho T hẹn đến đứng ở khu vực gần bệnh viện Sản nhi tỉnh N để lấy trước một nửa số ma túy. Khoảng 15 phút sau thì người phụ nữ điều khiển xe Air Blade màu vàng đồng (T không nhớ biển kiểm soát) đi ngang qua chỗ T đứng và ném về phía T một gói nhỏ ma túy gói bằng giấy viết màu trắng. T cầm gói ma túy lên và mang đến khu vực bãi đất trống thuộc phố L, phường N, TP N để sử dụng bằng hình thức tiêm chích. Sử dụng xong T điều khiển xe quay lại ngõ 207, đường Hđể tiếp tục chờ người phụ nữ mang ma túy đến. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, người phụ nữ điều khiển xe Air Blade quay lại đi ngang qua T và ném về phía T một gói nhỏ gói ngoài bằng giấy nilon màu vàng. Xác định đó là gói Heroine nên T cầm ở tay trái và điều khiển xe mô tô 89F3-****về đón anh D. Sau đó anh D điều khiển xe chở T ngồi sau đi về huyện Q. Trên đường đi T chuyển gói Heroine sang cầm ở tay phải.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh D và T về đến khu vực đường 477, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N thì T thấy có Tổ công tác của Công an huyện V và Công an xã G đang làm nhiệm vụ tuần tra đi cùng chiều. Sợ bị phát hiện nên T ném gói nhỏ Heroine đang cầm ở tay phải xuống ven đường nhưng bị Tổ công tác phát hiện và yêu cầu dừng xe. Tổ công tác yêu cầu T quay lại cách vị trí T và anh D dừng xe khoảng 10 mét và nhặt gói nhỏ vừa ném xuống ven đường lên để kiểm tra. Tổ công tác đã thu giữ 01 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy nilon màu vàng, bên trong là một gói nhỏ nilon màu trắng đựng chất bột dạng cục màu trắng. T đã khai nhận đó là Heroine của mình mua về để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ của T số tiền 45.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, đã qua sử dụng; Thu giữ của anh Nguyễn Văn D số tiền 30.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, vỏ màu đen, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu LONGCIN BKS 89F3-****, đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong gói nhỏ gói ngoài bằng giấy nilon màu vàng, tiếp đến là lớp nilon màu trắng, bên trong đựng chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T để gửi đi xác định trọng lượng và giám định chất ma túy. Ký hiệu M.

Ngày 16/6/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành cân xác định khối lượng chất bột mầu trắng, dạng cục trong gói thu giữ của Nguyễn Văn T ký hiệu M. Kết quả: Gói M có khối lượng 1,2969 gam.

Tại bản kết luận giám định số 118/KLGĐ-PC54-MT ngày 16/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

Mẫu chất bột dạng cục mầu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 1,2969 gam là ma túy, loại heroine.

Heroine là chất ma túy thuộc bảng danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS-GV ngày 07/08/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Nguyễn Văn T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn D trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 14/06/2018, anh có cho bị cáo T mượn xe mô tô BKS 89F3-**** và cho vay 1.500.000 đồng để đi khám bệnh, anh không biết việc bị cáo vay tiền và mượn xe của anh để sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy, sau khi vụ án xảy ra anh mới biết. Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho anh gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 89F3-****; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo; số tiền 30.000 đồng và anh không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/06/2018.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 118/2018/GĐMT, bên trong đựng: 1,1700 gam chất bột dạng cục mầu trắng trong mẫu ký hiệu M gửi

giám định là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói trong gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong gồm: 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 mảnh giấy nilon mầu vàng loại vỏ gói bột đậu xanh; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Lenovo; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 30.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Văn D ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Masstel; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 45.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong gồm 01 túi nilon màu trắng, 01 xilanh đã qua sử dụng, trong phần kim tiêm có bám dính chất màu nâu, 01 vỏ nắp kim tiêm, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 45.000 đồng là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/6/2018 tại khu vực đường 477, thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N, Nguyễn Văn T có hành vi cất giữ trái phép 1,2969 gam Heroine, để sử dụng cho bản thân.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý

1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a, ……;

b, ……;

c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 gam;

…….

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của nòi giống, làm khánh kiệt kinh tế của người sử dụng chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ; có bố là thương binh, người có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T từng bị kết án, nh□ng đã đ□ợc đ□ơng nhiên xóa án tích, nên đ□ợc coi nh□ ch□a bị kết án theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t□ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo

và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo T là ng□ời sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn T là 1,2969 gam Heroine. Sau khi lấy mẫu giám định, khối lượng Heroine còn lại 1,17 gam; toàn bộ vỏ, bao gói trong gói niêm phong ban đầu. Tất cả được niêm phong trong phong bì ghi số 118/2018/GĐMT; 01 phong bì niêm phong bên trong gồm: 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 mảnh giấy nilon mầu vàng loại vỏ gói bột đậu xanh; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Lenovo; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 30.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Văn D ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Masstel; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 45.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong gồm 01 túi nilon màu trắng, 01 xilanh đã qua sử dụng, trong phần kim tiêm có bám dính chất màu nâu, 01 vỏ nắp kim tiêm, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 45.000 đồng, thu giữ của Nguyễn Văn T là số tiền không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo T, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[11] Đối với 01 mô tô BKS 89F3-**** thu giữ của Nguyễn Văn T được bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo; số tiền 30.000 đồng, thu giữ của Nguyễn Văn D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện v đã trả lại chiếc xe mô tô trên; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo và số tiền 30.000 đồng cho anh Nguyễn Văn D. Do vậy, không đặt vấn đề giải quyết.

[12] Anh Nguyễn Văn D cho T vay số tiền 1.500.000 đồng, sau đó T sử dụng để đi mua ma túy. Tuy nhiên, việc T mua ma túy, anh D không biết. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh D.

Đối với người thanh niên tên B đã cho Thức số điện thoại của người phụ nữ bán ma túy, T khai không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không xác minh được tên tuổi, địa chỉ ở đâu. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T, T khai không rõ lai lịch. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện V không có căn cứ để điều tra xử lý.

[13] ***Về án phí***: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 17/06/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 118/2018/GĐMT, bên trong đựng: 1,1700 gam chất bột dạng cục mầu trắng trong mẫu ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Heroine và toàn bộ vỏ, bao gói trong gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong gồm: 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 mảnh giấy nilon mầu vàng loại vỏ gói bột đậu xanh; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Lenovo; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 30.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Văn D ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong chiếc điện thoại Masstel; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng một vỏ phong bì niêm phong số tiền 45.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T ban đầu; 01 phong bì niêm phong, bên trong gồm 01 túi nilon màu trắng, 01 xilanh đã qua sử dụng, trong phần kim tiêm có bám dính chất màu nâu, 01 vỏ nắp kim tiêm, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 45.000 đồng là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền trả lại cho bị cáo T gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 09/08/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. ***Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc

bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Bị cáo; Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành